

LUẬN ĐẠI THỪA A-TỶ-ĐẠT-MA TẬP TẬP

QUYỂN 12

PHẦN QUYẾT TRẠCH

Phẩm 2: PHÁP (Phần 2)

Thế nào là Tu? Lược có năm thứ:

1. Tu y chỉ nhậm trì.
2. Tu y chỉ tác ý.
3. Tu y chỉ ý lạc.
4. Tu y chỉ phương tiện.
5. Tu y chỉ tự tại.

- *Tu y chỉ nhậm trì* lại có bốn thứ: a. Tu y chỉ nhân, là do năng lực chủng tánh đối với Ba-la-mật-đa tu tập chánh hạnh. b. Tu y chỉ báo, là do năng lực thắng tự thể đối với Ba-la-mật-đa tu tập chánh hạnh. c. Tu y chỉ nguyện, là do bản nguyện lực đối với Ba-la-mật-đa tu tập chánh hạnh. d. Tu y chỉ giản trách lực, là do tuệ lực đối với Ba-la-mật-đa tu tập chánh hạnh.

- *Tu y chỉ tác ý* cũng có bốn thứ: a. Tu y chỉ tác ý thắng giải, là đối với tất cả Ba-la-mật-đa tương ứng với kinh Giáo, khởi thắng giải tăng thượng. b. Tu y chỉ ái vị tác ý, là đối với đã đắc Ba-la-mật-đa thấy công đức thù thắng mà khởi ái vị sâu xa. c. Tu y chỉ tùy hỷ tác ý, là đối với thí sở hành, giới... của tất cả hữu tình sinh tùy hỷ sâu xa. d. Tu y chỉ hỷ lạc tác ý, là đối với các thắng phẩm Ba-la-mật-đa trong vị lai sinh nguyện lạc.

- *Tu y chỉ ý lạc* lại có sáu thứ: a. Vô yếm ý lạc. b. Rộng lớn ý lạc. c. Vui mừng ý lạc. d. Ân đức ý lạc. e. Vô nhiễm ý lạc. f. Thiện hảo ý lạc. Do sáu thứ ý lạc này mà tu các Ba-la-mật-đa, trong đây Bồ-tát đối với thí Ba-la-mật-đa ý lạc không, là Bồ-tát đối với một hữu tình, một khoảng sát-na, giả sử bảy báu chứa đầy trong Cát sông Hằng số thế giới, đem ra bố thí, lại cũng lấy thân mạng nhiều như Cát sông Hằng số

đem bố thí, như vậy bố thí trải qua cát sông Hằng Đại kiếp, như đối với chỗ của một hữu tình, cho đến đối với tất cả giới hữu tình như vậy, khi thí thì đều khiến cho Bồ-tát kia đối với đạo quả Bồ-đề Vô thượng mau chóng thành thực, tu hành sai khác như vậy, khi thí thì ý lạc của Bồ-tát do đó không chán đủ, ý lạc như vậy gọi là ý lạc không chán của Bồ-tát đối với Thí Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, Bồ-tát khi tu hành Thí Ba-la-mật-đa như vậy, thì xoay vần nối tiếp không có một sát-na nào bị thoái lui hay đoạn dứt, cho đến rốt ráo ngôi toà Bồ-đề, ý lạc như vậy gọi là ý lạc rộng lớn của Bồ-tát đối với Thí Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, Bồ-tát khi tu hành Thí Ba-la-mật-đa như vậy, đối với sự thâm nhiếp của thí, sự sinh đại vui mừng của các hữu tình, thì các hữu tình đó do thí dẫn dắt tuy sinh vui mừng nhưng cũng không thể bằng, ý lạc như vậy gọi là ý lạc vui mừng của Bồ-tát đối với Thí Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, Bồ-tát khi tu hành Thí Ba-la-mật-đa như vậy, thì quán sự thâm nhiếp tất cả hữu tình của thí, đối với tự thân ta có ân đức lớn, không thấy tự thân ta đối với hữu tình kia có ân đức lớn, do đó trợ giúp ta bất thoái chuyển nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng, ý lạc như vậy gọi là ý lạc ân đức của Bồ-tát đối với Thí Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, Bồ-tát khi tu hành Thí Ba-la-mật-đa như vậy, tuy đối với sự hưng khởi đại thí phước của vô lượng các hữu tình, nhưng không mong báo ân và vị lai có báo quả, ý lạc như vậy gọi là ý lạc vô nhiễm của Bồ-tát đối với Thí Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, Bồ-tát khi tu hành Thí Ba-la-mật-đa như vậy, vì sự đặc quả báo của việc tu hành rộng lớn thí tụ tập mà thí cho các hữu tình, không tự lấy làm của mình, lại dùng phước này cùng chung các hữu tình hồi hướng đạo quả Bồ-đề Vô thượng, ý lạc như vậy gọi là ý lạc khéo léo của Bồ-tát đối với Thí Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, các Bồ-tát khi tu hành Giới Ba-la-mật-đa như vậy, cho đến Tuệ Ba-la-mật-đa ý lạc không chán, là các Bồ-tát đó giả sử đã trải qua kiếp nhiều như cát sông Hằng số, là mỗi kiếp cát sông Hằng bằng với thọ lượng của đại kiếp, trong thời gian lâu dài như vậy, tài sản sinh sống thường bị bần cùng thiếu thốn, lửa rực đầy trong ba ngàn đại thiên thế giới, hằng ở trong đó mà đi, đứng, nằm, ngồi, chỉ có thể tu tập một sát-na giới Ba-la-mật-đa, hoặc cho đến Tuệ Ba-la-mật-đa, như vậy xoay vần tu tập sai khác, tất cả nhóm giới cho đến tuệ tụ rốt ráo đầy đủ, thì hiện tại có thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Các Bồ-tát đó khi tu hành như vậy Giới Ba-la-mật-đa cho đến Tuệ Ba-la-mật-đa thì

đối với nhóm giới cho đến nhóm tuệ tu tập ý lạc cũng còn chưa đầy đủ, ý lạc như vậy gọi là ý lạc không chán của Bồ-tát đối với sự tu tập Giới Ba-la-mật-đa cho đến Tuệ Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, các Bồ-tát khi tu hành Giới Ba-la-mật-đa cho đến Tuệ Ba-la-mật-đa như vậy, xoay vần nối tiếp không có một sát-na nào bị thoái lui hay bị đoạn dứt, cho đến rốt ráo ngòi toà Bồ-đề, ý lạc như vậy gọi là ý lạc rộng lớn của Bồ-tát đối với sự tu hành Giới Ba-la-mật-đa cho đến Tuệ Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, các Bồ-tát khi tu hành như vậy Giới Ba-la-mật-đa cho đến Tuệ Ba-la-mật-đa, đối với sự thâm nhiếp nầy và sự sinh rất vui mừng của các hữu tình, thì các hữu tình đó do sự thâm nhiếp nầy tuy sinh vui mừng nhưng cũng không thể bằng, ý lạc như vậy gọi là ý lạc vui mừng của Bồ-tát đối với chỗ tu hành Giới Ba-la-mật-đa cho đến Tuệ Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, các Bồ-tát khi tu hành Giới Ba-la-mật-đa cho đến Tuệ Ba-la-mật-đa như vậy, quán sự thâm nhiếp tất cả hữu tình nầy, đối với tự thân ta có đại ân đức, không thấy tự thân ta đối với hữu tình kia có ân đức, do đó trợ giúp ta bất thoái chuyển đạo quả Bồ-đề Vô thượng, ý lạc như vậy gọi là ý lạc ân đức của Bồ-tát đối với sự tu hành Giới Ba-la-mật-đa cho đến Tuệ Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, các Bồ-tát khi tu hành Giới Ba-la-mật-đa cho đến Tuệ Ba-la-mật-đa như vậy, tuy đối với sự hưng khởi đại giới phước cho đến tuệ phước của vô lượng các hữu tình, nhưng không mong báo ân và báo quả vị lai, ý lạc như vậy gọi là ý lạc vô nhiễm của Bồ-tát đối với sự tu hành Giới Ba-la-mật-đa cho đến Tuệ Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, các Bồ-tát khi tu hành Giới Ba-la-mật-đa cho đến Tuệ Ba-la-mật-đa như vậy, vì sự đắc quả báo của việc tu hành nhóm giới rộng lớn cho đến nhóm tuệ đắc quả báo thí cho các hữu tình, không tự dùng làm của mình, lại lấy phước nầy cùng chung các hữu tình hồi hướng đạo quả Bồ-đề Vô thượng, như vậy gọi là ý lạc thiện hảo của Bồ-tát đối với việc tu hành Giới Ba-la-mật-đa cho đến Tuệ Ba-la-mật-đa.

- *Tu y chỉ phương tiện* lại có ba thứ, là do trí Vô phân biệt quán sát ba luân đều thanh tịnh. Vì sao? Vì phương tiện nầy mà sự tu các hạnh của tất cả tác ý mau chóng thành mãn.

- *Tu y chỉ tự tại* cũng có ba thứ:

- a. Thân tự tại.
- b. Hạnh tự tại.
- c. Thuyết tự tại.

- + Thân tự tại là tự tánh thọ dụng của các Như Lai.
- + Hạnh tự tại là thân biến hóa của các Như Lai, do thân này có thể thị hiện Nhất thiết chủng đồng pháp hạnh của tất cả hữu tình.
- + Thuyết tự tại là có thể nói tất cả thứ khác nhau của sáu Ba-la-mật-đa không bị đuoối lý.

Hỏi: Thế nào là sai khác ?

Đáp: Là do mười tám thứ nhậm trì nói về sự khác nhau giữa sáu Ba-la-mật-đa.

Mười tám thứ là:

1. Thân nhậm trì.
2. Tâm nhậm trì.
3. Pháp thiện nhậm trì.
4. Thức nhậm trì.
5. Bồ-đề nhậm trì.
6. Bi nhậm trì.
7. Bất xả hữu tình nhậm trì.
8. Xả tâm thấp kém nhậm trì.
9. Vô sinh pháp nhẫn nhậm trì.
10. Gốc lành phương tiện nhậm trì.
11. Gốc lành viên chứng nhậm trì.
12. Gốc lành vô tận nhậm trì.
13. Vô yếm quyến nhậm trì.
14. Các sở tư sự thành mãn nhậm trì.
15. Ngự chúng nghiệp nhậm trì.
16. Chứng nhập đại địa nhậm trì.
17. Dẫn phát Phật tánh nhậm trì.
18. Lập ra Phật sự nhậm trì.

Mỗi Ba-la-mật-đa như Thí, giới... đều có ba thứ khác nhau, như thứ lớp của nó đã thấu nhiếp từng nhóm là ba pháp.

Thí có ba thứ:

1. Tài thí.
2. Vô úy thí.
3. Pháp thí.

Giới có ba thứ:

1. Luật nghi giới.
2. Giới Nhiếp thiện pháp.
3. Giới Nhiều ích hữu tình .

Nhẫn có ba thứ:

1. Nại oán hại nhẫn.
 2. An thọ khổ nhẫn.
 3. Đế sát pháp nhẫn.
- Tinh tiến có ba thứ:
1. Bị giáp tinh tiến.
 2. Phương tiện tinh tiến.
 3. Nhiều ích hữu tình tinh tiến.
- Tĩnh lự có ba thứ:
1. Hiện pháp lạc trụ tĩnh lự.
 2. Dẫn phát thần thông tĩnh lự.
 3. Nhiều ích hữu tình tĩnh lự.
- Tuệ có ba thứ:
1. Duyên thế tục tuệ.
 2. Duyên thắng nghĩa tuệ.
 3. Duyên hữu tình tuệ.

Phải biết tài thí có khả năng nhậm trì thân, do ẩm thực... các thứ vật dụng sinh sống thân nhiếp lợi ích cho thân chỗ nương của người thọ. Vô úy thí có thể giữ gìn tâm, an ủi tâm của người khác lia lo lắng kinh sợ. Như vậy câu còn phải tư duy tùy theo nghĩa của nó. Tâm thấp kém, là tâm của Bồ-tát chán khổ sinh tử đồng với Nhị thừa, do sự chấp thọ của an thọ khổ nhẫn mới xả tâm này. Gốc lành vô tận, là cùng tận bờ mé sanh tử thường làm lợi ích an vui cho tất cả hữu tình, cho đến Vô dư giới Niết-bàn cũng không buông bỏ, là tinh tấn giữ gìn lợi ích hữu tình. Ngự chúng nghiệp, là dựa vào nội chứng mà truyền dạy và răn dạy hữu tình được hóa độ, nếu tâm chưa định thì khiến cho đắc định, nếu tâm đã định thì khiến cho giải thoát, vì sự giữ gìn lợi ích cho hữu tình tĩnh lự. Chứng nhập Đại địa, là tin hiểu giáo pháp sâu xa ở trước, tư lương tròn đầy có thể mau chóng chứng nhập địa cực hỷ thứ nhất, do sự giữ gìn của tuệ duyên thế tục. Các pháp còn lại thì dễ hiểu nên không giải thích lại.

Sai khác, là thí có bảy thứ:

1. Căn bản thí, là tất cả Thí Ba-la-mật-đa của vị chủng tánh Bồ-tát, vì dựa vào chủng tánh này mà thực hành thí.
2. Hoằng thế thí, là tất cả Thí Ba-la-mật-đa của vị phát tâm Bồ-tát, vì dựa vào thọ đại nguyện mà hành thí.
3. Nhiếp thọ thí, là tất cả Thí Ba-la-mật-đa của vị tu hạnh tự lợi, lợi tha.
4. Vô chấp thọ thí, là tất cả Thí Ba-la-mật-đa của vị Bồ-tát quán

nghĩa chân thật, vì lấy những người không có thí mà phân biệt chấp thọ.

5. Vô nhiếp thọ thí, là tất cả Thí Ba-la-mật-đa của vị Bồ-tát Oai Đức, tuy không nhiếp thọ vật dụng sinh sống bên ngoài, chỉ do năng lực Tam-ma-địa của Hư Không Tạng... đưa tay vẫy lên hư không, tùy ý muốn thì châu báu đều tuôn rải như mưa.

6. Tùy sở ứng thí, là tất cả Thí Ba-la-mật-đa của vị Bồ-tát thành thực, tùy sự thích nghi hóa độ mà hành thí.

7. Quảng đại thí, là tất cả Thí Ba-la-mật-đa của vị tối thắng Bồ-đề, vì Vô thượng. Như thí có bảy thứ, cho đến tuệ cũng vậy, tùy sự thích ứng của nó.

Nhiếp là gì? Là thâm nhiếp Bồ-tát địa, trong đây nói lược các Ba-la-mật-đa như Thí, Giới... Nhiếp này lược có bốn thứ:

1. Chủng tánh thâm nhiếp, là chủng tánh tương ứng thuận theo tri của Thí Ba-la-mật-đa.

2. Phát tâm thâm nhiếp, là sự thâm nhiếp của sự phát tâm sai khác. Phát tâm có hai thứ, là không sai khác và sai khác. Không sai khác là nguyện ta sẽ chứng đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Sai khác là nguyện ta Thí Ba-la-mật-đa mau chóng được tròn đầy, cho đến Tuệ Ba-la-mật-đa mau chóng được tròn đầy. Phải biết trong đây do phát tâm sai khác mà thâm nhiếp các Ba-la-mật-đa, vì tâm này là nhân của Ba-la-mật-đa kia.

3. Tự tha lợi dẫn dắt, là do thí thâm nhiếp nên nhiếp thọ tất cả giàu vui tự tại, gọi đó là tự lợi thâm nhiếp. Do thí này nên đưa đến tài vật làm lợi ích người khác, gọi là dẫn dắt tha lợi. Như vậy các tướng thâm nhiếp khác phải biết tùy nghĩa.

4. Thắng nghĩa thâm nhiếp. Nhiếp này lại có nhiều thứ; hoặc nói theo pháp giới mà nói, vì tướng Chân như là cộng của Thí, Giới..., hoặc nói theo trí tư lương mà nói, vì có thể làm thành xong tất cả trí khí, hoặc nói theo trí nhiếp thọ mà nói, vì có thể thành mãn Nhất thiết trí, hoặc nương vào trí tùy chuyển mà nói vì năm Ba-la-mật-đa tùy theo Tuệ Ba-la-mật-đa mà chuyển; hoặc nói theo trí tướng mà nói, vì Tuệ Ba-la-mật-đa là tự thể của chánh trí. Như vậy thắng nghĩa lấy Chân như và chánh trí làm thể, nên có thể thâm nhiếp thí, giới... theo chỗ nói lược này, nghĩa thâm nhiếp chỗ khác như lý tư duy.

Sự đối trị, là sáu pháp như thí... như thứ lớp của nó, vì san lạn, phạm giới, phần hận, biếng nhác, tán loạn và tuệ ác là bị đối trị. Lại nữa, cho đến sự thâm nhiếp pháp thiện, đối tượng cần đối trị và sở tri

chương của tất cả Ba-la-mật-đa đều là sự đối trị của Ba-la-mật-đa.

Công đức, là nương vào thắng lợi của năm quả vô lượng vô biên xưng tán, đều gọi là công đức, là có thể dứt hẳn sở đối trị của chính nó, là quả lia hệ của các Ba-la-mật-đa. Trong hiện pháp, do sáu Ba-la-mật-đa này nhiếp thọ tự tha, là quả sĩ dụng; đối với đời vị lai và mãi về sau tăng thắng xoay vần sinh khởi, là quả đẳng lưu. Đại Bồ-đề là quả tăng thượng, chiêu cảm quả rất giàu sang vãng sinh về đường lành, không có oán, không bị hoại, nhiều các hỷ lạc, tôn thân trong hữu tình không bị tổn hại, tông tộc rộng lớn tùy theo thứ lớp của nó, là quả Dị thực của thí... Ba-la-mật-đa.

Hỗ tương quyết trạch, lược có ba thứ:

1. Phương tiện.
2. Sai khác.
3. Sai khác hiển bày.

Phương tiện là tất cả khả đắc trong phương tiện thí, như xả tất cả tài vật trong ngoài, là phương tiện thí. Trong phương tiện này nếu thí tất cả là Ba-la-mật-đa như Thí. Ngay trong thí này nếu tâm từ bi ngăn ngừa tất cả tổn hại ép ngặt não loạn của tánh người khác, là Giới Ba-la-mật-đa. Ngay trong giới này chịu đựng ngăn dứt tổn hại một nhọc, là Nhẫn Ba-la-mật-đa. Ngay trong nhẫn này niệm niệm phát khởi thí tâm mạnh mẽ, là Tinh tiến Ba-la-mật-đa. Ngay trong tinh tiến này mà tâm đó thuần thiện, trối tâm vào một cảnh, không rong ruổi bên ngoài, là Tĩnh lự Ba-la-mật-đa. Ngay trong Tĩnh lự này, khéo giữ lấy hạnh thí, nhân quả như thật, không chấp lấy dị kiến, là Tuệ Ba-la-mật-đa. Như vậy cho đến trong phương tiện của Tuệ Ba-la-mật-đa, tùy sự thích ứng của nó, phải khéo lập ra, do vô úy thí mà tất cả mọi nơi đều có thí.

Sai khác, lược có bốn thứ:

1. Tự thể sai khác.
2. Trợ giúp sai khác.
3. Khuyến tán sai khác.
4. Chủng thực sai khác.

Tự thể sai khác của Ba-la-mật-đa như thí... là như thứ lớp của nó mà lấy từ bỏ, nhẫn nại, sách cần, tâm trụ và quyết trạch làm thể.

Trợ giúp sai khác, là trong phương tiện của thí... các Ba-la-mật-đa đều chuyển theo, như trước đã nói rộng.

Khuyến tán sai khác, là đối với thí... khuyến khích khen ngợi tùy hỷ vui mừng.

Chủng thực sai khác, là trong tương tục tha mà lập ra các Ba-la-

mật-đa như thí..., trong đây Thí Ba-la-mật-đa là tài thí, năm Ba-la-mật-đa còn lại là vô úy thí, tất cả sáu Ba-la-mật-đa là pháp thí, đều ở trong tương tục tha mà gieo trồng. Sai khác hiển bày, là do sai khác của một hành hiển bày thí... Trong các Ba-la-mật-đa.

Như có người hỏi: Nếu Thí Ba-la-mật-đa cũng là Giới Ba-la-mật-đa, hay Giới Ba-la-mật-đa cũng là Thí Ba-la-mật-đa?

Để đáp câu hỏi này thì phải thuận theo câu sau: Là tất cả Giới Ba-la-mật-đa đều là Thí Ba-la-mật-đa, hoặc có khi Thí Ba-la-mật-đa không phải Giới Ba-la-mật-đa, vì Giới Ba-la-mật-đa là sự không tham nhiếp Thí Ba-la-mật-đa. Như vậy cho đến dùng Tuệ Ba-la-mật-đa đối với Thí Ba-la-mật-đa đều phải khởi thuận theo câu sau. Ngoài ra đối mặt lẫn nhau thì cũng nên đúng như lý mà tư duy. Trong đây người nương vào nghiệp địa ban đầu mà dần dần tu, là nói nghiệp địa sau chờ các nghiệp địa trước nghiệp trước không đợi nghiệp sau, do đó đều khởi thuận theo câu sau. Nếu đã tập quen sáu thứ đốn tu đều thâm nhiếp lẫn nhau, như Bồ-tát Địa nói: “Giới thiện pháp, là sáu Ba-la-mật-đa nếu nương vào thuận tướng hay tạp tướng trợ giúp thì thuyết đó phải làm bốn câu”.

Hỏi: Lại nữa, tất cả thí đều là Ba-la-mật-đa, hay Ba-la-mật-đa đều là Thí ?

Để đáp câu hỏi này phải làm ba câu (trường hợp):

1. Hoặc có khi là thí mà không phải Ba-la-mật-đa, là việc làm thí không hồi hướng đại Bồ-đề.

2. Hoặc có khi vừa là thí vừa là Ba-la-mật-đa, là việc làm Thí... đều hồi hướng đại Bồ-đề.

3. Hoặc có khi không phải thí cũng không phải Ba-la-mật-đa, là trừ hai câu trên ra. Như vậy cho đến nương vào Tuệ Ba-la-mật-đa, mỗi pháp nên làm bốn trường hợp, như lý mà tư duy.

Hỏi: Lại nữa, tất cả hạnh thí đều có thể sinh chủng loại phước của Thí Ba-la-mật-đa chăng?

Đáp câu hỏi này nên chia làm bốn trường hợp:

1. Việc làm thí không hồi hướng đại Bồ-đề.

2. Đối với Thí Ba-la-mật-đa khuyến khích khen ngợi tùy hỷ vui vẻ.

3. Là việc làm thí hồi hướng đại Bồ-đề.

4. Trừ các tướng của ba câu trên như thế.

Như vậy cho đến nương vào Tuệ Ba-la-mật-đa, mỗi pháp đều chia làm bốn câu, như lý mà tư duy.

Hỏi: Lại nữa, vì sao nói phương quảng chia thành rộng lớn sâu xa

như vậy ?

Đáp: Do Nhất thiết chủng trí tánh rộng lớn sâu xa, đây là đã đắc quả Nhất thiết chủng trí tánh rất rộng lớn sâu xa, nhân thọ lãnh tên của quả nên nói phương quảng là rộng lớn sâu xa.

Hỏi: Lại nữa, vì sao tất cả chúng sinh đối với phần phương quảng rộng lớn sâu xa không sinh thẳng giải, trái lại còn ôm lòng kinh sợ?

Đáp: Vì xa lìa pháp tánh, chưa gieo trồng gốc lành, thuộc về của bạn ác. Pháp tánh, là chủng tánh Bồ-tát, là tự thể của chúng sinh. Vì một phần chúng sinh không có chủng tánh Bồ-tát, nên tâm tánh thấp kém, đối với giáo rộng lớn sâu xa không thể sinh hiểu biết thù thắng, do đó kinh sợ. Lại nữa, một phần chúng sinh tuy có chủng tánh Bồ-tát nhưng đối với đại Bồ-đề chưa gieo trồng các gốc lành chánh nguyện... nên đối với giáo rộng lớn sâu xa này không thể sinh hiểu biết cao quý, do đó mà sinh kinh sợ. Lại nữa, một phần chúng sinh tuy đã gieo trồng gốc lành, nhưng vì chê bai chúng sinh Đại thừa, thuộc về bạn ác, nên đối với giáo pháp rộng lớn sâu xa này không thể sinh hiểu biết thù thắng, do đó sinh kinh sợ.

Hỏi: Lại nữa, vì sao tất cả chúng sinh đối với phần Phương quảng rộng lớn sâu xa tuy sinh thẳng giải mà không được xuất ly?

Đáp: Vì trụ sâu xa trong tự kiến thủ, thường chấp chặt theo lời nói mà hiểu nghĩa. “Trụ sâu xa trong tự kiến thủ”, lại không tiến cầu kinh liễu nghĩa. “Thường chấp chặt theo lời nói mà hiểu nghĩa”, là chấp chặt không hiểu nghĩa kinh, như nghe câu “Tất cả pháp rốt ráo không có tự tánh”, thì cho rằng tánh tướng của tất cả các pháp đều không có gì. Như vậy đối với kinh bất liễu nghĩa, chấp chặt theo lời nói mà hiểu nghĩa cũng vậy, nên tuy tin Đại thừa nhưng không được xuất ly, vì kinh Đại thừa do các thứ ý mà nói, nương vào mật ý này mà Đức Bạc-già-phạm trong kinh đại pháp cảnh nói như vậy: “Nếu các Bồ-tát tùy theo lời mà hiểu nghĩa, thì không bằng tư duy chánh lý mà trạch pháp. Liền sinh hai mươi tám bất Chánh kiến.

Hỏi: Hai mươi tám bất Chánh kiến?

Đáp: 1. Kiến tướng. 2. Kiến tổn giảm thi thiết. 3. Kiến tổn giảm phân biệt. 4. Kiến tổn giảm chân thật. 5. Kiến nhiếp thọ. 6. Kiến chuyển biến. 7. Kiến vô tội. 8. Kiến xuất ly. 9. Kiến khinh hủy. 10. Kiến phần phát. 11. Kiến điên đảo. 12. Kiến xuất sinh. 13. Kiến bất lập tông. 14. Kiến kiêu loạn. 15. Kiến kính sợ. 16. Kiến vững chắc ngu si. 17. Kiến căn bản. 18. Kiến đối với kiến vô kiến. 19. Kiến xả phương tiện. 20. Kiến bất xuất ly. 21. Kiến chương tăng ích. 22. Kiến sinh phi phước.

23. Kiến vô công quả. 24. Kiến thọ nhục. 25. Kiến chê bai. 26. Kiến bất khả dữ ngôn. 27. Kiến rộng lớn. 28. Kiến tăng thượng mạn.

Kiến tướng: Hoặc là có người nghe trong kinh Đại thừa nói những câu như: “Tất cả các pháp đều vô tự tánh, vô sinh, vô diệt, xưa nay vắng lặng, tự tánh Niết-bàn...”, họ không hiểu rõ mật ý chỉ tùy theo lời nói nghĩa này liền sinh thẳng giải, cho rằng điều Phật nói là tất cả các pháp chắc chắn không có tự tánh, chắc chắn vô sinh v.v... bị chấp tướng không có tự tánh như vậy... Gọi đó là tướng kiến. Khi người kia chấp dính tướng không có tự tánh như vậy... thì liền chê bai ba tự tánh, là tự tánh Biến kế sở chấp, tự tánh Y tha khởi và tự tánh Viên thành thật. Tự tánh Biến kế sở chấp, là các kẻ ngu đối với tướng sắc, tính toán khắp hết mà khởi chấp tăng ích, cho đây là sắc cho đến đây là Niết-bàn, nghĩa của chỗ chấp này không có thật, không có tự thể, chỉ có chỗ lập bày của danh ngôn mà thôi ! Tự tánh Y tha khởi, là ngay trên sắc... này, tự thể chỉ là luống dối phân biệt. Lại nữa, tánh của nhân quả hoặc khác hoặc không khác. Tự tánh Viên thành thật, là như thật chân tánh của tất cả pháp.

Đối với ba tánh này khởi việc làm chê bai, tức là ba kiến kế: Là kiến tổn giảm thi thiết, kiến tổn giảm phân biệt và kiến tổn giảm chân thật. Người đó như vậy khi chê bai Nhất thiết chủng, nhất thiết pháp, vì muốn thành lập các tà kiến này, nên liền lại thấu nhiếp ít phần đạo lý. Lại nữa, đối với Khế kinh Liễu Nghĩa tất cả khai thị thật tánh của các pháp là lia ngôn, thì người đó rộng bày phương tiện chuyển biến khiến cho thuận với kiến của mình. Như vậy hai thứ tức là hai kiến kế sau, là kiến nhiếp thọ và kiến chuyển biến.

Người kia lại khởi kiến chấp như vậy: “Nếu dựa vào kiến này mà làm việc thiện hoặc bất thiện, thì chắc chắn đều không có tội không có lỗi, tất cả việc làm đều trở về diệu thiện, tất cả chương cấu đã chứa nhóm trước kia đều được xuất ly. Hai thứ như vậy tức là hai kiến tiếp theo, là kiến vô tội và kiến xuất ly.

Người kia đã chấp tự kiến của mình như vậy rồi, liền trái với kiến này mà an lập các pháp như uẩn v.v..., đối với tạng Thanh văn vọng sinh xem thường chê bai. Lại nữa, đối với người bất tín như vậy sinh tà kiến với người Thanh văn mà sinh ganh ghét. Như vậy hai thứ tức là hai kiến tiếp theo, là kiến khinh hủy và kiến phản phát.

Người kia lại tùy theo ác kiến tà kiến của tự mình cho: “Ta sẽ lập ra như thật Không, Vô tướng, Vô nguyện”, đối với chẳng phải tướng kia khởi tướng là tướng kia, đối với tướng đó mà điên đảo lập ra. Lại nữa,

người kia nghĩ rằng: “Nếu ngộ nhập được pháp tánh như vậy, thì có thể khiến cho người khác nhập tất cả đều sinh vô lượng công đức”. Như vậy hai thứ tức là hai kiến tiếp theo, là kiến điên đảo và kiến xuất sinh.

Hoặc người nọ sanh khởi ác kiến của người kia mà như lý chất vấn, người kia trong lúc đó rốt cục không muốn lập ra tự tông, lại dùng lời chê bai và đùa cợt chất vấn người nọ. Như vậy hai thứ tức là hai kiến tiếp theo, là kiến bất lập tông và kiến kiêu loạn.

Người kia lại khởi tăng thượng mạn như vậy: “Nếu có thể tu hành như thế là chân cúng dường kính các Phật Thế tôn”. Người có kiến như vậy gọi là kiến kính sợ.

Những người khéo thông đạt pháp tánh vô đảo, là vì khiến cho lia ác kiến kia, tuy dùng các thứ chân thật để thành lập đạo lý, tạo phương tiện khai ngộ ngu kiến chấp chặt, nhưng không hề có tâm xả bỏ, cho chỉ có đây là chân, ngoài ra đều là tà vọng, người có kiến như vậy gọi là kiến ngu si bền chắc.

Như chỗ nói trên, tất cả tập khí thô nặng của các kiến, gọi đó là kiến căn bản. Vì muốn khai thị đã nói mười bảy thứ kiến ở các môn lỗi lầm như trên, nên lại nói thêm các kiến khác.

Ngay nơi kiến tướng gọi là Kiến đối với kiến Vô kiến, đây thật ra là do chấp chặt tướng vô tánh mà khởi, vì tướng không chấp tất cả tướng. Ngay trên kiến tổn giảm thi thiết, kiến tổn giảm phân biệt và kiến tổn giảm chân thật mà gọi là kiến xả phương tiện, vì người kia chê bai tất cả pháp tánh, đối với cần, tinh tiến khởi tướng vô dụng.

Ngay trên kiến nhiếp thọ và kiến chuyển biến gọi là kiến bất xuất ly, vì phi phương tiện tu học thì không thể chứng quả.

Ngay trên kiến vô tội và kiến xuất ly gọi là kiến chướng tăng ích, vì việc làm tà vạy nêu không thể hết chướng.

Ngay trên kiến khinh hủy và kiến phần phát gọi là kiến sinh phi phước, vì đối với chánh pháp đồng phạm hạnh là sanh khởi môn tà hạnh, liền có thể dẫn phát suy tổn lớn.

Ngay trên kiến điên đảo và kiến xuất sinh gọi là kiến vô công quả, vì sự an lập không phải chánh pháp tánh, người truyền người thọ đều không thể chứng quả thắng tiến.

Ngay trên kiến bất lập tông và kiến kiêu loạn gọi là kiến thọ nhục, vì phi lìa mà hưng khởi luận thì không nên đắc thắng.

Ngay trên kiến kính sợ gọi là kiến chê bai, vì điều không nên nói mà gượng tăng ích.

Ngay trên kiến ngu si bền chắc gọi là kiến bất khả dữ ngôn, vì người tà chấp không, không nên bàn luận với họ, chỉ lập ra nhiều ngôn từ, hoàn toàn không có lợi ích.

Ngay trên kiến căn bản gọi là kiến rộng lớn, do đây mà ở vị lai các loại ác kiến chuyển thêm rộng.

Kiến ở trên đã nói đều gọi là kiến tăng thượng mạn, vì đều có thể khởi Tăng thượng mạn luống dối không thật.

Hỏi: Kiến Tăng thượng mạn này làm sao biết được ?

Đáp: Là do trong kinh kia ngay kế sau đã nói.

Như vậy các kiến có mười bảy thứ tức là mười, mười thứ tức là mười bảy. Hai mươi bảy thứ tức là một, một thứ tức là hai mươi bảy.

Hỏi: Lại nữa, như phần Phương quảng nói: “Tất cả các pháp đều vô tự tánh”. Câu nói này nương vào mật ý nào mà nói ?

Đáp: Là vô tự nhiên tánh, vô tự thể tánh, vô trụ tự thể, không có sự chấp giữ tướng tánh như kẻ ngu.

Vô tự nhiên tánh, do không có tánh tự nhiên nên nói là vô tự tánh, không ngăn dứt chờ tánh duyên nên nói vô tự tánh.

Vô tự thể tánh, là vì tự thể này là đã đã từng trải qua hữu, tức là tự thể này không thể trở lại hữu, nên nói là vô tánh. Vô trụ tự thể, là thể tuy hiện tại chưa đến nhưng tướng hoại kế sau chắc chắn phải diệt, thể không trụ nơi nghĩa nên nói là vô tánh. Không có sự chấp giữ tướng tánh như kẻ ngu, là những người ngu chưa Kiến đế, dựa vào danh ngôn hý luận ở môn huân tập mà vọng chấp lấy tướng tướng các pháp, vì xa lìa sự chấp giữ tướng tướng như vậy, nên nói là vô tánh.

Lại nữa, đối với tự tánh Biến kế sở chấp, vì tướng vô tánh, đối với tự tánh Y tha khởi, vì sinh vô tánh; đối với tự tánh Viên thành thật, vì thắng nghĩa vô tánh, càng dựa vào dị môn để hiển bày nghĩa vô nên nói.

Lại nữa, tất cả các pháp tức là ba tự tánh, là tự tánh Biến kế sở chấp, tự tánh y tha khởi và tự tánh Viên thành thật. Tự tánh Biến kế sở chấp chắc chắn không có tự tướng, vì tự tướng không có nên gọi là tướng vô tánh, tướng vô tánh nên gọi là vô tánh. Tự tánh Y tha khởi vì đợi nhiều duyên nên chẳng phải tánh tự nhiên, vì không có tự nhiên tánh nên gọi là sinh vô tánh, vì sinh vô tánh nên gọi là vô tánh. Tự tánh Viên thành thật vì sở duyên thanh tịnh, nên trong Y tha khởi không có đã hiển tự thể của tướng Biến kế sở chấp, vì thắng nghĩa làm tự thể, vì đã hiển bày vô tánh nên gọi là Thắng nghĩa vô tánh, vì Thắng nghĩa vô tánh nên gọi là Vô tánh. Do lý này nên Như Lai nói: “Tất cả pháp đều

Vô tự tánh”. Chẳng phải tánh tướng của tất cả chúng đều không nói là Vô tánh.

Hỏi: Lại nữa, nói: “Tất cả các pháp vô sinh, vô diệt, xưa nay vắng lặng, tự tánh Niết-bàn”. Câu này dựa vào mật ý nào mà nói?

Đáp: Như Vô tự tánh, vô sinh cũng vậy, như vô sinh, vô diệt cũng vậy, như vô sinh vô diệt, xưa nay vắng lặng cũng vậy, như xưa nay vắng lặng, tự tánh Niết-bàn cũng vậy.

Lại nữa, có bốn thứ ý thú, do ý thú (ý hướng) này mà tất cả ý thú của tất cả Như Lai trong phần phương quảng phải nên tùy thuộc chắc chắn rõ ràng. Bốn thứ ý thú là:

1. Ý thú bình đẳng.
2. Ý thú biệt thời.
3. Ý thú biệt nghĩa.
4. Ý thú chúng sinh ý lạc.

- *Ý thú bình đẳng*, như nói: “Ta trong lúc đó đã từng gọi là Như Lai thắng quán chánh đẳng chánh giác, không có sai khác với Pháp thân kia”.

- *Ý thú biệt thời* như nói rằng: “Nếu có nguyện sinh thế giới Cực Lạc, thì đều được vãng sinh. Nếu người tạm thời được nghe Như Lai Vô Cấu Nguyệt Quang, thì liền chắc chắn không thoái chuyển đạo quả Bồ-đề Vô thượng”. Những câu như vậy là ý tại các thời riêng biệt.

- *Ý thú biệt nghĩa*, như nói: “Tất cả các pháp đều vô tự tánh”, những câu như vậy không thể như văn mà liền chấp lấy nghĩa.

- *Ý thú chúng sinh ý lạc*, là đối với một gốc lành, hoặc có khi khen ngợi, vì khiến cho vui mừng mạnh mẽ tu hành, hoặc có khi thì chê bai, vì ngăn dứt được chút ít phần thiện thì sinh mừng đủ, vì hành giả tham mà khen ngợi cõi Phật giàu có vui vẻ trang nghiêm, vì hành giả mạn mà khen ngợi các Phật hoặc có tặng thặng. Vì người thường ăn năn, áo não, chướng ngại tu thiện mà nói như vậy: “Tuy hành khinh hủy đối với Phật Bồ-tát, nhưng chúng sinh đó cũng sinh cõi trời”. Vì chúng tánh bất định, là xả lia ý lạc thấp kém của Thanh văn, thọ ký cho Thanh Văn sẽ được thành Phật, lại cũng nói Nhất thừa là không có thừa thứ hai.

Lại nữa, có bốn thứ bí mật, do bí mật này mà tất cả bí mật của tất cả Như Lai trong phần Phương quảng phải thuận theo chắc chắn rõ ràng. Thế nào là bốn bí mật:

1. Bí mật khiến nhập.
2. Bí mật tương.
3. Bí mật đối trị.

4. Bí mật chuyển biến.

Như vậy bốn thứ trong Đại thừa lược nhiếp tất cả đạo lý bí mật mà Như lai đã nói.

- *Bí mật khiến nhập*, là đối với Thanh văn thừa nói các pháp của sắc đều có tự tánh, vì để khiến cho không kinh sợ và dần dần nhập Thánh đạo.

- *Bí mật tướng*, là đối với ba tự tánh nói tất cả pháp đều vô tự tánh, vô sinh, vô diệt...

- *Bí mật đối trị*, là vì điều phục những người tội lỗi, mà Như Lai giảng nói các thứ Mật giáo, như vì đối trị tám thứ chướng, nên nói tới thượng thừa.

Tám thứ chướng là: a. Xem thường pháp Phật; b. Biếng nhác; c. Ít điều thiện sinh vui đủ; D. Tham; e. Mạn; f. Hành ác; g. Tác tánh bất định; h. Sai khác. Nói rộng để chỉ các sự thì tùy sự thích ứng của nó, nói như bốn ý thứ.

- *Bí mật chuyển biến*, là đã nói danh ngôn ẩn mật của kinh, như nói: “Đối với bất kiên thì giác kiên trụ sâu vào điên đảo, phiền não gây hại hết mức là đặc Bồ-đề Tối thượng”. Trong đây có mật ý là đối với bất tán động mà khởi thắng giác vững chắc. Vì sao? Vì vững chắc có hai nghĩa: a. Trinh thật; b. Tán động. Do tán động này khiến cho tâm thường buông lung cũng gọi là vững chắc. Trụ sâu vào điên đảo, là trái với thường, lạc, ngã, tịnh, bốn thứ này đảo lại làm Vô thường... nên gọi là điên đảo, đối với điên đảo này không thoát lui nên gọi là trụ sâu bị phiền não gây hại hết mức, trong thời gian dài bị bức náo của sự siêng năng khổ hạnh quá mệt mỏi. Đặc Bồ-đề tối thượng, là nếu có đủ ba việc đã nói trên thì chắc chắn sẽ mau chóng chứng Bồ-đề vô thượng.

Hỏi: Lại nữa, trong phần phương quảng đối với pháp tướng Tam- ma-địa Bồ-tát khéo léo làm sao biết được?

Đáp: Là do năm thứ nhân:

1. Từng sát-na tiêu trừ chỗ nương của tất cả thô nặng.
2. Xuất ly các thứ tướng, được vui với pháp lạc.
3. Biết rõ vô lượng tướng vô phân biệt trong đại pháp quang minh.

4. Thuận phần thanh tịnh nơi tướng vô phân biệt thường hiện ở trước.

5. Có thể nhiếp thọ chuyển thượng, chuyển thắng tròn đầy nhân, thành tựu Pháp thân Phật.

Năm thứ nhân như vậy dựa vào ba thứ xưng tán công đức của các

Bồ-tát mà nói:

1. Xưng tán công đức Xa-ma-tha.
2. Xưng tán công đức Tỳ-bát-xá-na.
3. Gọi hai công đức trên là xưng tán công đức câu phân.

- *Xưng tán công đức Xa-ma-tha* lại có hai thứ: a. Từng sát-na thắng tiến khinh an không gián đoạn, thiếu giảm, vì khắp chỗ nương, từng sát-na tiêu trừ chỗ nương của tất cả thô nặng. b. Thắng giải để quán tất cả giáo pháp không có sai khác, vì đồng nhất vị, xa lìa các tướng về nghĩa tướng của các thứ uẩn giới xứ, được vui với pháp lạc của khế kinh...

- *Xưng tán công đức Tỳ-bát-xá-na* cũng có hai thứ: a. Tùy sự trạch pháp không có xem hờ thiếu giảm, vì không quên mất, do môn nhớ nghĩ đối với vô phân biệt tướng vô lượng. b. Các pháp của khế kinh... Dùng tuệ soi rõ hai chuyển y, tất cả sắc tượng ở trước, tướng vô phân biệt và vô gia hạnh thường hiện ở trước.

- *Trong loại nhân thứ năm là hai xưng tán công đức câu phân*, Pháp thân: là thuộc về, sở tri chướng dứt hẳn chuyển y, trong mười địa gọi là tròn đầy, trong địa Như Lai gọi là thành tựu, vì khiến cho Pháp thân mau chóng được thành tựu tròn đầy, dẫn sinh chuyển thượng chuyển thắng đẳng lưu tập khí nên gọi là nhiếp thọ. Nhân kia như vậy có năm thứ, tức là nói lên năm tu có thể đắc năm quả.

Năm tu là:

1. Tu Tức tướng .
2. Tu Hòa hợp .
3. Tu Vô tướng .
4. Tu Vô công dụng .
5. Tu Chuyển tướng .

Hỏi: Pháp tạng Thanh văn và pháp tạng Bồ-tát từ Pháp thân lưu xuất, chúng sinh dùng tràng hoa thơm cúng dường Bồ-tát Pháp Tạng thì liền sinh nhóm phước rộng lớn vô biên, vì sao không phải pháp tạng Thanh văn?

Đáp: Vì Bồ-tát Pháp Tạng là chỗ nương để làm lợi ích an vui của tất cả chúng sinh, vì có thể dựng lập Đại nghĩa, là chỗ sinh của vô thượng vô lượng nhóm công đức lớn.

